

MỤC TIÊU

- Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm
- Phần kiến thức: các câu hỏi nằm trong chương trình Địa lí 12, thuộc chuyên đề Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Phần kĩ năng: bao gồm các kĩ năng làm việc với Atlas, biểu đồ và bảng số liệu.
- Mức độ câu hỏi từ nhận biết đến thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao; đề thi có nhiều câu hỏi hay, phù hợp cho nhiều đối tượng HS luyện tập, củng cố kiến thức.

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây không thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Cẩm Phả. B. Bắc Ninh. C. Việt Trì. D. Hạ Long.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là không đúng về sản lượng khai thác dầu thô và than sạch từ năm 2000 đến năm 2007?

- A. Sản lượng than có tốc độ tăng liên tục
B. Sản lượng than có tốc độ tăng nhanh hơn dầu.
C. Sản phẩm dầu có xu hướng giảm.
D. Sản lượng khai thác dầu và than tăng liên tục qua các năm.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết vùng nào có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản dưới 5% năm 2007?

- A. Vùng Bắc Trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh/thành phố nào sau đây không giáp với biển?

- A. Hải Dương. B. Hải Phòng. C. Quảng Ngãi. D. Nam Định.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng biển nào sau đây thuộc tỉnh Nghệ An?

- A. Nhật Lệ. B. Vũng Áng. C. Thuận An. D. Cửa Lò.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, nhận xét nào sau đây không đúng về dân số phân theo thành thị - nông thôn?

- A. Dân số nông thôn chiếm tỉ trọng lớn và có xu hướng ngày càng tăng.
B. Dân số nông thôn luôn cao gấp nhiều lần dân số thành thị.
C. Dân số nông thôn chiếm tỉ trọng lớn và có xu hướng ngày càng giảm.
D. Dân số thành thị chiếm tỉ trọng thấp và có xu hướng ngày càng tăng.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, các khu kinh tế ven biển nào sau đây của vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Định An, Kiên Lương. B. Năm Căn, Rạch Giá. C. Định An, Năm Căn. D. Định An, Bạc Liêu.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất?

- A. Pu Huồi Long. B. Pu Hoạt. C. Phu Luông. D. Pu Trà.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết nhận định nào sau đây không đúng về cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi từ năm 2000 – 2007?

- A. Gia súc tăng, sản phẩm không qua giết thịt giảm.
B. Gia cầm giảm, sản phẩm không qua giết thịt giảm.
C. Gia súc tăng, gia cầm tăng.
D. Gia súc tăng, gia cầm giảm.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn trên 20°C?

- A. Lạng Sơn. B. Nha Trang. C. Sa Pa D. Hà Nội.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây không thuộc hệ thống sông Mê Công?

- A. Sông Hậu. B. Sông Xé Xan. C. Sông Sa Thầy. D. Sông Kinh Thầy.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết tuyến đường bộ theo hướng Đông - Tây nào sau đây không thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Đường số 7. B. Đường số 6. C. Đường số 8. D. Đường số 9.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có luyện kim màu?

- A. Thái Nguyên. B. Nam Định. C. Việt Trì. D. Cẩm Phả.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, tuyến nào sau đây không đi qua vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Quốc lộ 5. B. Đường Hồ Chí Minh. C. Quốc lộ 9. D. Quốc lộ 1.

Câu 15: Dải đồng bằng ven biển miền Trung phần nhiều hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ là do

- A. đồi núi ăn lan sát ra biển. B. bờ biển dài, khúc khuỷu.
C. nhiều sông suối đổ ra biển. D. đồi núi ở xa trong đất liền.

Câu 16: Ở miền Bắc nước ta vào mùa đông xuất hiện những ngày nắng ấm là do hoạt động của

- A. gió mùa Đông Nam. B. gió mùa Tây Nam.
C. Tín phong bán cầu Nam. D. Tín phong bán cầu Bắc

Câu 17: Hệ quả của quá trình xâm thực, bào mòn mạnh mẽ bề mặt địa hình ở miền đồi núi là

- A. bồi tụ mở mang các đồng bằng hạ lưu sông. B. hình thành các vùng đồi núi thấp.
C. bồi tụ mở mang các đồng bằng giữa núi. D. hình thành các bán bình nguyên xen đồi.

Câu 18: Khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương làm cho khí hậu vùng đồng bằng Nam Bộ nước ta có

- A. lượng bức xạ Mặt Trời lớn. B. mưa nhiều vào thu đông.
C. mưa lớn vào đầu mùa hạ. D. hai mùa khác nhau rõ rệt.

Câu 19: Mùa đông lạnh của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ đến muộn và kết thúc sớm do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Do bức chắn Hoàng Liên Sơn và tác động của gió phơn Tây Nam.
B. Do địa hình hướng vòng cung mở về phía Bắc, chụm đầu ở Tam Đảo.
C. Do Biển Đông đã làm biến tính các khối khí đi qua biển.
D. Do vị trí gần chí tuyến và chịu tác động trực tiếp của gió mùa Đông Bắc

Câu 20: Khu vực nào ở nước ta có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng các cảng biển nước sâu?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng. C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 21: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta có sự phân hóa đa dạng đã tạo điều kiện cho

- A. hình thành các vùng kinh tế trọng điểm.
B. phát triển mạnh nền nông nghiệp ôn đới.
C. đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp.
D. đa dạng hóa cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp.

Câu 22: Vùng ven biển ở nước ta có nghề làm muối phát triển là

- A. Bắc Trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 23: Bão ở đồng bằng ven biển miền Trung nước ta tập trung nhiều nhất vào tháng IX chủ yếu do ảnh hưởng của

- A. Tín phong bán cầu Bắc B. gió mùa Đông Nam. C. gió mùa Tây Nam. D. dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 24: Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2016

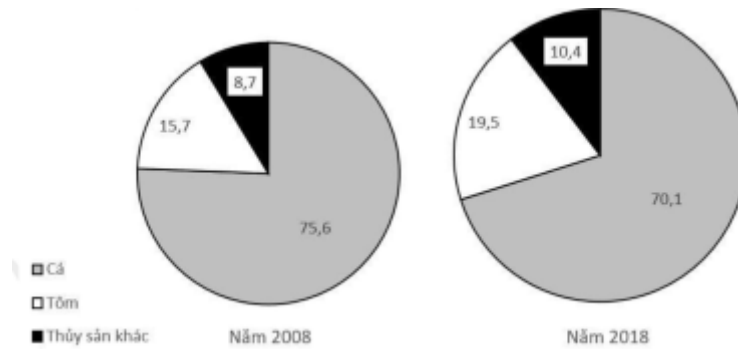
Năm	2010	2014	2015	2016
Vải (triệu m ²)	1 176,9	1 346,5	1 525,6	1 700,7
Giày, dép da (triệu đôi)	192,2	246,5	253,0	257,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng vải và giày, dép da của nước ta, giai đoạn 2010 – 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Tròn. D. Kết hợp.

Câu 25: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA VIỆT NAM (%)

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2018 so với năm 2008?

- A. Cá giảm, tôm và thủy sản khác tăng. B. Cá tăng, tôm và thủy sản khác tăng.
C. Cá giảm, tôm giảm, thủy sản khác tăng. D. Cá tăng, tôm giảm, thủy sản khác giảm.

Câu 26: Rừng cây họ Dầu ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ phát triển mạnh mẽ chủ yếu là do

- A. mưa nhiều, nhiệt độ quanh năm cao. B. nền nhiệt cao, biên độ nhiệt năm nhỏ.
C. khí hậu cận xích đạo, mùa khô rõ rệt. D. đất phèn, mặn chiếm diện tích lớn.

Câu 27: Phát biểu nào sau đây không đúng với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta (từ dãy Bạch Mã trở vào)?

- A. Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt. B. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C
C. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo. D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Câu 28: Lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ở miền Bắc không nhiều như ở miền Nam là do

- A. được sự điều tiết của các hồ nước B. mạng lưới sông ngòi dày đặc
C. có hiện tượng mưa phùn vào cuối mùa đông. D. nguồn nước ngầm phong phú.

Câu 29: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở nước ta là

- A. gió phơn Tây Nam. B. gió mùa Tây Nam C. Tín phong bán cầu Bắc D. gió mùa Đông Bắc

Câu 30: Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa B. Cảnh quan cận xích đạo gió mùa
C. Cảnh quan giống như vùng ôn đới núi cao. D. Cảnh quan nhiệt đới nóng quanh năm.

Câu 31: Gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc - đông nam, thấp và hẹp ngang, được nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của núi

- A. Đông Bắc B. Trường Sơn Bắc C. Tây Bắc D. Trường Sơn Nam.

Câu 32: Nguyên nhân chủ yếu làm xuất hiện đất mùn thô ở đại ôn đới gió mùa trên núi nước ta là do

- A. độ ẩm tăng. B. sinh vật ít. C. địa hình dốc D. nhiệt độ thấp.

Câu 33: Đồng bằng châu thổ có diện tích lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Mã. B. Đồng bằng sông Cả.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 34: Quần đảo Trường Sa nước ta thuộc

- A. tỉnh Quảng Ngãi.
- B. tỉnh Khánh Hòa
- C. thành phố Đà Nẵng.
- D. tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 35: Hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên thuộc loại rừng

- A. phòng hộ.
- B. sản xuất.
- C. đầu nguồn.
- D. đặc dụng.

Câu 36: Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất ở vùng biển nước ta là

- A. cát thủy tinh.
- B. muối.
- C. titan.
- D. dầu khí.

Câu 37: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA Ở MỘT SỐ VÙNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2018

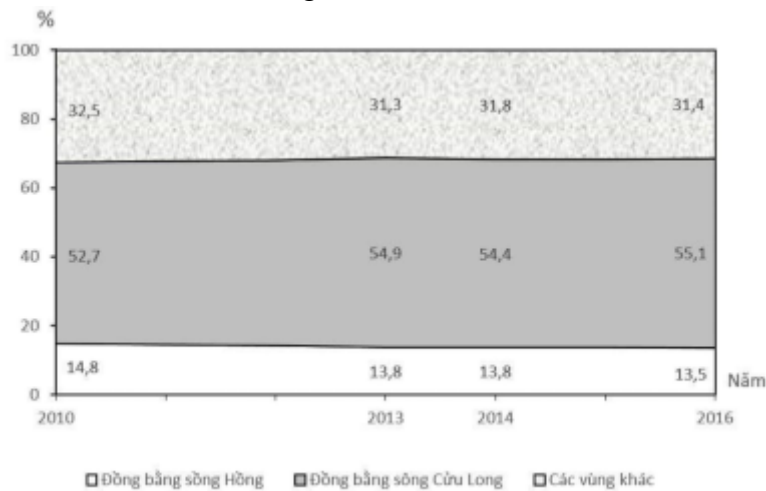
Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	99,7	6085,5
Trung du và miền núi Bắc Bộ	631,2	3590,6
Tây Nguyên	245,4	1375,6
Đông Nam Bộ	270,5	1422,0
Đồng bằng sông Cửu Long	4107,4	24441,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu nhận xét nào sau đây không đúng với năng suất lúa của các vùng ở nước ta năm 2018?

- A. Tây Nguyên cao hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn Đông Nam Bộ
- C. Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Hồng cao nhất, Đông Nam Bộ thấp nhất.

Câu 38: Cho biểu đồ diện tích lúa của nước ta giai đoạn 2010 – 2016:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng diện tích lúa phân theo vùng.
- B. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo vùng.
- C. Quy mô diện tích lúa phân theo vùng.
- D. Quy mô và cơ cấu diện tích lúa phân theo vùng.

Câu 39: Nước ta có tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng do liền kề với hai vành đai sinh khoáng

- A. Địa Trung Hải và Ấn Độ Dương.
- B. Địa Trung Hải và Thái Bình Dương.
- C. Địa Trung Hải và Bắc Băng Dương.
- D. Địa Trung Hải và Đại Tây Dương.

Câu 40: Tính đa dạng sinh học của nước ta không trực tiếp thể hiện ở

- A. hệ sinh thái.
- B. thành phần loài.
- C. vùng phân bố.
- D. nguồn gen.

----- HẾT -----

BẢNG ĐÁP ÁN

1-B	2-D	3-C	4-A	5-A	6-A	7-C	8-C	9-C	10-B
11-D	12-B	13-A	14-A	15-A	16-D	17-A	18-A	19-A	20-C
21-D	22-B	23-D	24-D	25-A	26-C	27-D	28-C	29-B	30-A
31-B	32-D	33-C	34-B	35-D	36-D	37-A	38-B	39-B	40-C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 26

Cách giải:

Trung tâm công nghiệp Bắc Ninh thuộc Đồng bằng sông Hồng, không thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ.

Chọn B.

Câu 2 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận xét biểu đồ

Cách giải:

- A đúng: sản lượng than tăng liên tục (11,6 triệu tấn lên 42,5 triệu tấn)
- B, C đúng: sản lượng than tăng nhanh hơn dầu (sản lượng than tăng gấp 3,7 lần; sản lượng dầu có xu hướng giảm)
- D không đúng sản lượng dầu tăng giảm không ổn định, nhìn chung cả giai đoạn giảm (từ 16,3 triệu tấn xuống 15,9 triệu tấn)

Chọn D.

Câu 3 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 20

Chọn C.

Câu 4 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 4 – 5

Cách giải:

Tỉnh/thành phố không giáp biển là Hải Dương.

Chọn A.

Câu 5 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 15, kỹ năng nhận xét biểu đồ

Cách giải:

- A không đúng: dân số nông thôn chiếm tỉ trọng lớn nhưng có xu hướng ngày càng giảm (từ 84,3% năm 1960 xuống 72,6% năm 2007) \Rightarrow nhận xét tăng lên là SAI
- B đúng: dân số nông thôn luôn cao hơn dân số thành thị
- C đúng: dân số nông thôn chiếm tỉ trọng lớn nhưng có xu hướng ngày càng giảm (từ 84,3% năm 1960 xuống 72,6% năm 2007)
- D đúng: dân số thành thị chiếm tỉ trọng thấp và có xu hướng tăng lên (từ 15,7% năm 1960 lên 27,4% năm 2007)

Chọn A.

Câu 6 (VD)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 15, kỹ năng nhận xét biểu đồ

Cách giải:

- A không đúng: dân số nông thôn chiếm tỉ trọng lớn nhưng có xu hướng ngày càng giảm (từ 84,3% năm 1960 xuống 72,6% năm 2007) ⇒ nhận xét tăng lên là SAI
- B đúng: dân số nông thôn luôn cao hơn dân số thành thị
- C đúng: dân số nông thôn chiếm tỉ trọng lớn nhưng có xu hướng ngày càng giảm (từ 84,3% năm 1960 xuống 72,6% năm 2007)
- D đúng: dân số thành thị chiếm tỉ trọng thấp và có xu hướng tăng lên (từ 15,7% năm 1960 lên 27,4% năm 2007)

Chọn A.

Câu 7 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 29

Cách giải:

Khu kinh tế ven biển thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long là: Định An và Năm Căn

Chọn C.

Câu 8 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 13

Cách giải:

Xác định độ cao các đỉnh núi:

- Pu Huổi Long: 2178m
- Pu Hoạt: 2452m
- Phu Luông: 2874m
- Pu Trà: 2504m

⇒ Núi Phu Luông có độ cao lớn nhất cho

Chọn C.

Câu 9 (VD)

Phương pháp: Sử dụng Atlas trang 19, kĩ năng nhận xét biểu đồ

Cách giải:

- A đúng: gia súc tăng (66% lên 72%), sản phẩm không qua giết thịt giảm (16% xuống 15%)
- B đúng: gia cầm giảm (18% xuống 13%), sản phẩm không qua giết thịt giảm (16% xuống 15%)
- C KHÔNG ĐÚNG: vì gia cầm giảm (18% xuống 13%) nhận xét tăng là sai
- D đúng: gia súc tăng, gia cầm giảm.

Chọn C.

Câu 10 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas trang 9

Cách giải:

Trạm khí tượng có nhiệt độ trung bình các tháng luôn trên 20°C là Nha Trang.

Chọn B.

Câu 11 (NB)

Phương pháp:

Sử dụng Atlas Địa lí trang 10

Cách giải:

Sông Kinh Thầy ở miền Bắc, thuộc hệ thống sông Thái Bình 2 không thuộc hệ thống sông Mê Công.

Chọn D.

Câu 12 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 27

Cách giải:

Tuyến đường bộ theo hướng Đông - Tây thuộc vùng Bắc Trung Bộ là tuyến số 7, 8, 9

Tuyến đường số 6 không thuộc Bắc Trung Bộ (tuyến số 6 thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, nối Hà Nội – Hòa Bình - Sơn La)

Chọn B.

Câu 13 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 21

Cách giải:

Trung tâm công nghiệp có ngành luyện kim màu là Thái Nguyên.

Chọn A.

Câu 14 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 27

Cách giải:

Tuyến đường không đi qua vùng Bắc Trung Bộ là Quốc lộ 5
Quốc lộ 5 thuộc vùng đb sông Hồng, nối Hà Nội – Hải Phòng.

Chọn A.

Câu 15 (VD)

Phương pháp: Liên hệ đặc điểm địa hình của vùng

Cách giải:

Dải đồng bằng ven biển miền Trung phần nhiều hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ là do đồi núi ăn lan ra sát biển \Rightarrow các đồng bằng nhỏ hẹp, bị chia cắt và nghèo dinh dưỡng (biển đóng vai trò chính trong quá trình thành tạo).

Chọn A.

Câu 16 (VD)

Phương pháp: Liên hệ các loại gió hoạt động vào mùa đông ở miền Bắc và tính chất của chúng

Cách giải:

Ở miền Bắc vào mùa đông, những thời kì gió mùa Đông Bắc suy yếu sẽ xuất hiện Tín Phong bán cầu Bắc hoạt động đem lại những ngày nắng ấm xuất hiện vào mùa đông.

Loại A, B vì đây là các loại gió xuất hiện vào mùa hạ

Loại C vì tín phong bán cầu Nam không hoạt động ở miền Bắc

Chọn D.

Câu 17 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 10 – Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (Phần Địa hình – trang 45 sgk Địa 12)

Cách giải:

Hệ quả của quá trình xâm thực, bào mòn mạnh mẽ bề mặt địa hình ở miền đồi núi là bồi tụ mở mang các đồng bằng hạ lưu sông.

Chọn A.

Câu 18 (TH)

Phương pháp: Liên hệ đặc điểm địa hình và các hoàn lưu gió ở miền này

Cách giải:

- Vào mùa đông gió mùa Đông Bắc thổi xuống nước ta gặp bức chắn địa hình dãy Hoàng Liên Sơn nên ảnh hưởng của gió bị giảm sút ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ 3 miền này có mùa đông đến muộn và bớt lạnh hơn

- Mặt khác đầu mùa hạ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ xuất hiện gió phơn Tây Nam với tính chất khô nóng \Rightarrow đây cũng là nhân tố khiến mùa đông của miền kết thúc sớm hơn, nhường chỗ cho thời tiết nóng bức của mùa hạ.

\Rightarrow Mùa đông lạnh của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ đến muộn và kết thúc sớm do nguyên nhân chủ yếu là do bức chắn Hoàng Liên Sơn và tác động của gió phơn Tây Nam.

Chọn A.

Câu 19 (VD)

Phương pháp: Liên hệ đặc điểm địa hình và các hoàn lưu gió ở miền này

Cách giải:

- Vào mùa đông gió mùa Đông Bắc thổi xuống nước ta gặp bức chắn địa hình dãy Hoàng Liên Sơn nên ảnh hưởng của gió bị giảm sút ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ 2 miền này có mùa đông đến muộn và bớt lạnh hơn

- Mặt khác đầu mùa hạ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ xuất hiện gió phơn Tây Nam với tính chất khô nóng = đây cũng là nhân tố khiến mùa đông của miền kết thúc sớm hơn, nhường chỗ cho thời tiết nóng bức của mùa hạ.

⇒ Mùa đông lạnh của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ đến muộn và kết thúc sớm do nguyên nhân chủ yếu là do bức chắn Hoàng Liên Sơn và tác động của gió phơn Tây Nam.

Chọn A.

Câu 20 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 12 - Thiên nhiên phân hóa đa dạng (Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ)

Cách giải:

Đọc bờ biển vùng Duyên hải Nam Trung có nhiều vùng vịnh nước sâu, kín gió – thuận lợi cho xây dựng các cảng biển nước sâu.

Chọn C.

Câu 21 (VD)

Phương pháp: Kiến thức bài 21 – Đặc điểm nền nông nghiệp nước ta

Cách giải:

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta có sự phân hóa đa dạng đã tạo điều kiện cho đa dạng hóa cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp.

VD. Nước ta có thể phát triển các sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới, cận nhiệt và cả ôn đới.

Chọn D.

Câu 22 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 8 – Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

Cách giải:

Vùng ven biển Duyên hải Nam Trung Bộ nước ta có nắng nóng, nền nhiệt cao, ít cửa sông đổ ra biển thuận lợi cho phát triển nghề làm muối (cánh đồng muối Cà Ná, Sa Huỳnh nổi tiếng)

Chọn B.

Câu 23 (VD)

Phương pháp: Liên hệ nhân tố có tác động làm nhiều động thời tiết mạnh ở miền Trung vào thời kì thu đông

Cách giải:

Khu vực có dải hội tụ nhiệt đới đi qua thường có thời tiết nhiều động và gây mưa lớn, làm xuất hiện các xoáy áp thấp và bão nhiệt đới.

⇒ Vào thời kì tháng 9, dải hội tụ nhiệt đới xuất hiện dọc miền Trung (đặc biệt khu vực Thừa Thiên - Huế) và gây mưa lớn và làm xuất hiện nhiều cơn bão hoạt động cho các tỉnh miền Trung.

Chọn D.

Câu 24 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận diện biểu đồ

Cách giải:

Đề bài yêu cầu thể hiện sản lượng; bảng số liệu có 2 đơn vị khác nhau, trong 4 năm

⇒ Lựa chọn biểu đồ kết hợp là thích hợp nhất

Chọn D

Câu 25 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận xét biểu đồ

Cách giải:

- A đúng: cá giảm (từ 75,6% xuống 70,1%); tôm tăng (15,7% lên 19,5%), thủy sản khác tăng (từ 8,7% lên 10,4%)

- Nhận xét B, C, D KHÔNG ĐÚNG

Chọn A.

Câu 26 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 12 – Thiên nhiên phân hóa Bắc – Nam

Cách giải:

Cây họ dầu gồm những loại cây có đặc tính chịu hạn tốt rụng lá vào mùa khô. Rừng cây họ Dầu ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ phát triển mạnh mẽ chủ yếu do có khí hậu cận xích đạo, mùa khô rõ rệt.

Chọn C.

Câu 27 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 12 – Thiên nhiên phân hóa Bắc – Nam

Cách giải:

Lãnh thổ phía Nam có nền nhiệt độ cao quanh năm, biên độ nhiệt năm nhỏ ($2 - 3^{\circ}\text{C}$)

⇒ Phát biểu không đúng với phần lãnh thổ phía Nam nước ta là: biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Chọn D.

Câu 28 (VD)

Phương pháp: Liên hệ tính chất khí hậu miền Bắc vào mùa đông

Cách giải:

Vào nửa cuối mùa đông, gió mùa Đông Bắc đi qua biển nên được tăng cường ẩm, mang lại hiện tượng mưa phùn cho vùng đồng bằng ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ = do vậy lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ở miền Bắc không nhiều như ở miền Nam.

Chọn C.

Câu 29 (VD).

Phương pháp: Kiến thức bài 9 – Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

Cách giải:

- Loại A: gió phơn Tây Nam khô nóng, không gây mưa

- Loại B: Tín phong bắc bán cầu có tính chất khô nóng, chỉ gây mưa cho vùng đón gió ở ven biển Trung Bộ.

- Loại D: gió mùa Đông Bắc có tính chất lạnh, khô, chỉ gây mưa phùn nhỏ vào cuối đông cho miền Bắc.

- Chọn B: Gió mùa Tây Nam đi qua biển mang theo hơi ẩm lớn gây mưa cho cả nước (đặc biệt gây mưa lớn kéo dài cho vùng đón gió ở Nam Bộ - Tây Nguyên) ⇒ đây là nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở nước ta vào mùa hạ.

Chọn B.

Câu 30 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 12 – Thiên nhiên phân hóa đa dạng

Cách giải:

Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc nước ta có đặc điểm là cảnh quan mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa. Do chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc đem lại một mùa đông lạnh.

Chọn A.

Câu 31 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 6 – Đất nước nhiều đồi núi

Cách giải:

Gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc - đông nam, thấp và hẹp ngang, được nâng cao ở hai đầu là đặc điểm vùng núi Trường Sơn Bắc.

Chọn B.

Câu 32 (VDC)**Phương pháp:** Liên hệ nhân tố chủ yếu tác động đến sự hình thành đất**Cách giải:**

Các yếu tố khí hậu nhiệt và ẩm) có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất. Tác động của nhiệt và ẩm làm cho đá gốc bị phá hủy (về mặt vật lí và hóa học) tạo thành những sản phẩm phong hóa và hình thành lớp đất.

⇒ Đại ôn đới gió mùa trên núi khí hậu có đặc điểm lạnh, nền nhiệt độ thấp quanh năm dưới 15°C, mùa đông xuống dưới 5°C nên quá trình phong hóa đất diễn ra chậm -> hình thành đất mùn thô.

Chọn D.**Câu 33 (NB)****Phương pháp:** Kiến thức bài 6 – Đất nước nhiều đồi núi**Cách giải:**

Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích lớn nhất nước ta (khoảng 40 nghìn km)

Chọn C.**Câu 34 (NB)****Phương pháp:** Kiến thức bài 2 – Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ (trang 14 sgk Địa 12)

Quần đảo Trường Sa nước ta thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Chọn B.**Câu 35 (NB)****Phương pháp:** Kiến thức bài 14 - Vấn đề sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên**Cách giải:** Hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên thuộc loại rừng đặc dụng.**Chọn D.****Câu 36 (NB)****Phương pháp:** Kiến thức bài 8 – Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển**Cách giải:**

Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất ở vùng biển nước ta là dầu khí.

Chọn D.**Câu 37 (VD)****Phương pháp:** Kỹ năng tính toán và nhận xét bảng số liệu**Cách giải:**

Công thức: Năng suất = Sản lượng / Diện tích (tấn/ha)

Kết quả:

Vùng	Năng suất (tấn/ha)
Đồng bằng sông Hồng	61,0
Trung du miền núi Bắc Bộ	5,7
Tây Nguyên	5,6
Đông Nam Bộ	5,3
Đồng bằng sông Cửu Long	6,0

Nhận xét:

- A không đúng: Tây Nguyên thấp hơn TDMN Bắc Bộ ($5,6 < 5,7$ tạ/ha)
- B đúng: TDMN Bắc Bộ cao hơn Đông Nam Bộ ($5,7 > 5,3$ tạ/ha)
- C đúng: ĐB sông Cửu Long cao hơn Tây Nguyên ($6,0 > 5,6$ tạ/ha)
- D đúng: ĐB sông Hồng cao nhất (61 tấn/ha) và Đông Nam Bộ thấp nhất (5,3 tấn/ha)

Chọn A.

Câu 38 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận diện nội dung biểu đồ

Cách giải:

- Loại A: tốc độ tăng trưởng là biểu đồ đường
- Loại C: quy mô là biểu đồ cột giá trị tuyệt đối hoặc biểu đồ tròn
- Loại D: quy mô và cơ cấu là biểu đồ tròn
- Biểu đồ miền \Rightarrow thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Chọn B.

Câu 39 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 2 – Ý nghĩa tự nhiên của vị trí địa lí

Cách giải:

Nước ta có tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng do liền kề với hai vành đai Địa Trung Hải và Thái Bình Dương.

Chọn B.

Câu 40 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 14 - Vấn đề sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên nước ta

Cách giải:

Tính đa dạng sinh học thể hiện qua hệ sinh thái, thành phần loài và kiểu gen \Rightarrow loại A, B, D
 Tính đa dạng sinh học của nước ta không trực tiếp thể hiện ở vùng phân bố.

Chọn C.

----- **HẾT** -----